



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 02)

LIST OF ACCREDITED TESTS (No 02)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 8 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng thử nghiệm 2
Laboratory:	Testing Laboratory 2
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Công ty Cổ phần Dịch vụ VCT
Organization:	VCT Services Joint stock Company
Số hiệu/ Code:	VILAS 1644
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Cơ
Field:	Mechanical
Người quản lý Laboratory manager:	Trịnh Anh Tuấn
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày /8/2026 đến ngày /8/2031
Địa chỉ:	Tầng 9 Tòa 3D số 3 đường Duy Tân, phường Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam
Address:	9th Floor, 3D Building, No. 3 Duy Tan Street, Cau Giay Ward, Hanoi, Vietnam
Địa điểm:	Khu dịch vụ kỹ thuật ô tô - Trung tâm hội nghị quốc gia, Cổng số 5 đường Đỗ Đức Dục, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Location:	Automotive Technical Service Area – National Convention Center, Gate No. 5, Do Duc Duc Street, Tu Liem Ward, Hanoi City, Vietnam
Điện thoại/ Tel:	(+84) 986844736
Email:	info@vct.com.vn
Website:	https://vct.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 02)
LIST OF ACCREDITED TESTS (No 02)
VILAS 1644

Phòng thử nghiệm 2/ Testing Laboratory 2

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Lốp hơi xe ô tô Pneumatic tyre of vehicle	Kiểm tra ký hiệu Check markings	-	QCVN 34:2024/BGTVT (Điều/ Clause 2.1) UNECE R30 Revision 3 Amendment 12 (Điều/ Clause 4) UNECE R54 Revision 3 Amendment 9 (Điều/ Clause 4)
2.		Kiểm tra kích thước và dấu chỉ báo mòn Check dimensions and tread wear indicator height	Chu vi lốp/ Tyre Circumference: (940 ~ 3 460) mm Chiều rộng lốp/ Tyre width: Đến/ To 500 mm Chiều cao dấu chỉ báo mòn/ Tread Wear Indicator Height: (1,6 ~2,2) mm	QCVN 34:2024/BGTVT (Điều 2.1.3, 2.2 và Phụ lục F/ Clause 2.1.3, 2.2 and Annex F) UNECE R30 Revision 3 Amendment 12 (Điều 6, 6.3 và Phụ lục 6/ Clause 6, 6.3 and Annex 6) UNECE R54 Revision 3 Amendment 9 (Điều 6.3 và Phụ lục 6/ Clause 6.3 and Annex 6)
3.		Thử tính năng tốc độ/ tải trọng Test of speed / load performance	Tải trọng (Load): (3 ~ 30) kN Tốc độ/ Speed: (10 ~ 360) km/h Đường kính lốp/ Tyre Diameter: (500 ~ 1050) mm Chiều rộng lốp/ Tyre Width: Đến/ To 400 mm	QCVN 34:2024/BGTVT (Điều 2.3 và Phụ lục C/ Clause 2.3 and Annex C) UNECE R30 Revision 3 Amendment 12 (Điều 6.2 và Phụ lục 7/ Clause and Annex 7) UNECE R54 Revision 3 Amendment 9 (Điều 6.2 và Phụ lục 7/ Clause 6.2 and Annex 7)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (Số 02)*LIST OF ACCREDITED TESTS (No 02)***VILAS 1644****Phòng thử nghiệm 2/ Testing Laboratory 2**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
4.	Lốp hơi xe mô tô, xe gắn máy <i>Pneumatic tyre of motorcycles and mopeds</i>	Kiểm tra ký hiệu <i>Check markings</i>	-	QCVN 36:2024/BGTVT (Điều/ Clause 2.1) UNECE R75 Revision 2 Amendment 7 (Điều/Article 4)
5.		Kiểm tra kích thước <i>Check dimensions</i>	Chu vi lốp/ Tyre <i>Circumference:</i> (940 ~ 3 460) mm Chiều rộng lốp/ Tyre <i>Width:</i> Đến/ To 300 mm	QCVN 36:2024/BGTVT (Điều 2.2 và Phụ lục C/ Clause 2.2 and Annex C) UNECE R75 Revision 2 Amendment 7 (Điều 6 và Phụ lục 6/ Article 6 and Annex 6)
6.		Thử tính năng tốc độ/ tải trọng <i>Test of speed/load performance</i>	Tải trọng/ Load: (2 ~ 20) kN Tốc độ/ Speed: (10 ~ 300) km/h Đường kính lốp/ Tyre <i>Diameter:</i> (500 ~ 800) mm Chiều rộng lốp/ Tyre <i>Width:</i> Đến/ to 400 mm	QCVN 36:2024/BGTVT (Điểm 2.3 và Phụ lục D/ Point 2.3 and Annex D) UNECE R75 Revision 2 Amendment 7 (Điểm 6.2 và Phụ lục 7 Point 6.2 and Annex 7)

Ghi chú/Note:

- QCVN..: Quy chuẩn Việt Nam/ *National technical regulation*;
- UNECE: Ủy ban Kinh tế Liên hợp quốc về châu Âu / *United Nations Economic Commission for Europe*

Trường hợp Công ty Cổ phần Dịch vụ VCT cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Dịch vụ VCT phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for VCT Services Joint stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*